

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung thực hiện tại
Bệnh viện Nội tiết Nghệ An

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ NGHỆ AN

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 23/2/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư 43/2013/TT-BYT;

Căn cứ Nghị định 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào kết quả thẩm định danh mục kỹ thuật và kết luận của Hội đồng chuyên môn Sở Y tế;

Xét đề nghị ông Trưởng phòng Nghiệp Vụ Y, Sở Y tế Nghệ An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các kỹ thuật bổ sung thực hiện tại Bệnh viện Nội tiết Nghệ An: 79 kỹ thuật (danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trên cơ sở phân tuyến kỹ thuật và danh mục kỹ thuật được phê duyệt, Giám đốc Bệnh viện Nội tiết Nghệ An có trách nhiệm triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Các kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt bổ sung, là cơ sở để đơn vị thực hiện và cơ quan Bảo hiểm xã hội Nghệ An thanh toán khám, chữa bệnh và chuyển tuyến cho người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao cho phòng Nghiệp Vụ Y và các phòng ban liên quan chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Các ông (bà) trưởng các phòng ban Văn phòng Sở Y tế, Giám đốc đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH tỉnh (p/h);
- Lãnh đạo Sở (b/c);
- Lưu: VT, NVY.



Đậu Huy Hoàn

Phụ lục: Danh mục kỹ thuật phê duyệt bổ sung thực hiện tại bệnh viện Nội tiết Nghệ An
(Ban hành kèm theo Quyết định số 238 /QĐ-SYT ngày 12/03/2018 của Sở Y tế Nghệ An)

TT	TT 43+2 1	Danh mục kỹ thuật theo QĐ 43+21	Phân tuyến kỹ thuật			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		I. HÔ HẤP				
1.	305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy	x	x	x	
2.	309	Vệ sinh khử khuẩn máy thở	x	x	x	
3.	310	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản	x	x	x	
		M. THẦN KINH				
4.	345	Điều trị an thần giãn cơ < 8 giờ trong hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
		K. TIM MẠCH				
5.	317	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
6.	318	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
7.	319	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
8.	320	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
9.	323	Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
		L. TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU				
10.	333	Chăm sóc catheter tĩnh mạch đùi ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu	x	x	x	
11.	334	Chăm sóc ống thông bàng quang	x	x	x	
12.	335	Chăm sóc catheter thận nhân tạo ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
13.	336	Rửa bàng quang ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
14.	337	Lọc máu cấp cứu ở bệnh nhân có mở thông động tĩnh mạch (FVA)	x	x	x	
		O. TIÊU HOÁ				
15.	357	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu	x	x	x	
		G. XÉT NGHIỆM				
16.	285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	x	x	x	x
		II. NỘI KHOA				
		D. THẬN - TIẾT NIỆU				
17.	173	Chọc dò bể thận dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
		K. THẬN TIẾT NIỆU				
18.	480	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm chạy thận nhân tạo cấp cứu	x	x	x	
19.	481	Rút catheter tĩnh mạch đùi chạy thận nhân tạo cấp cứu	x	x	x	

20.	495	Thận nhân tạo chu kỳ (Quả lọc, dây máu 06 lần)	x	x	x	
21.	496	Thận nhân tạo cấp cứu (Quả lọc, dây máu 01 lần)	x	x	x	
22.	498	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu	x	x	x	
		N. DỊ ỨNG- MIỄN DỊCH LÂM SÀNG				
23.	628	Theo dõi và chăm sóc người bệnh sốc phản vệ 72 giờ đầu	x	x		
24.	641	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình hít định liều	x	x	x	
25.	642	Hướng dẫn người bệnh sử dụng bình xịt định liều	x	x	x	
26.	643	Tập ho có hiệu quả cho người bệnh Hen phế quản	x	x		
27.	646	Vỗ rung cho người bệnh Hen phế quản	x	x		
		O. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
28.	654	Chọc rửa màng phổi	x	x	x	
		XI. BÔNG				
		A. ĐIỀU TRỊ BÔNG				
		3. Các kỹ thuật khác (TT21)				
29.	136	Ghép vật liệu thay thế da điều trị vết thương, vết bông	x	x	x	
30.	138	Sơ cấp cứu bệnh nhân bông do công lạnh	x	x	x	x
31.	139	Sơ cấp cứu bệnh nhân bông do kiềm và các hoá chất khác	x	x	x	x
32.	143	Phẫu thuật lấy da mảnh mỏng từ người sống	x	x	x	
		G. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH				
33.	156	Sử dụng các chế phẩm sinh học (dạng tiêm, phun,...) điều trị vết thương mạn tính	x	x	x	
34.	159	Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính	x	x	x	
35.	161	Phẫu thuật cắt đáy ổ loét mạn tính, khâu kín	x	x	x	
36.	171	Điều trị vết thương mạn tính bằng đèn hồng ngoại	x	x	x	
37.	176	Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè	x	x	x	
38.	180	Kỹ thuật sử dụng băng chun ép trong điều trị vết loét do giãn tĩnh mạch chi dưới	x	x	x	x
		XVIII. ĐIỆN QUANG				
		Đ. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP				
		5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm (TT21)				
39.	703	Siêu âm tại giường	x	x	x	x
		XXII. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU				
		A. XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU				
40.	55	Thời gian phục hồi Canxi	x	x		
		B. SINH HOÁ HUYẾT HỌC				
41.	89	Định lượng Transferin	x	x		
42.	102	Sức bền thẩm thấu hồng cầu	x	x	x	
		C. TẾ BÀO HỌC				

43.	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trừ)	x	x	x	
44.	135	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)	x	x		
45.	138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
46.	139	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	x	x	x	
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
47.	268	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
48.	269	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
49.	271	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
50.	277	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
51.	278	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
52.	283	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	x	x	x	
53.	284	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)	x	x	x	
54.	285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x	
55.	286	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x	
56.	287	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x	
57.	288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x	
58.	289	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
59.	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
60.	293	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) bằng công nghệ hồng cầu gắn từ	x	x		
61.	294	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) trên hệ thống máy tự động hoàn toàn	x	x		
62.	295	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
63.	296	Xác định kháng nguyên D yếu của hệ Rh (Kỹ thuật Scangel/Gelcard)	x	x		
64.	297	Xác định kháng nguyên D từng phần của hệ Rh (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
65.	302	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
66.	303	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
67.	304	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
68.	305	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật hồng cầu gắn từ trên máy tự động)	x	x		
69.	306	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		

70.	307	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
71.	308	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
72.	309	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật hồng cầu gắn từ trên máy tự động)	x	x		
		G. TRUYỀN MÁU				
73.	457	Lấy máu toàn phần từ người hiến máu	x	x	x	
74.	459	Xét nghiệm sàng lọc HIV, Viêm gan B, Viêm gan C đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật hoá phát quang	x	x		
		P. TRUYỀN MÁU				
75.	667	Xét nghiệm sàng lọc anti-HBC đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật ELISA, kỹ thuật hoá phát quang (TT21)	x	x		
76.	668	Xét nghiệm định nhóm máu dưới nhóm hệ Rh (C, c, E, e) đối với đơn vị máu bằng kỹ thuật ống nghiệm, bán tự động, tự động	x	x		
		XXIII. HÓA SINH				
		A. MÁU				
77.	121	Định lượng proBNP (NT-proBNP)	x	x		
78.	140	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon)	x	x		
		G. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT37)				
79.	227	C- Peptid	x	x		

SỞ Y TẾ NGHỆ AN

u42